



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số / No: 56720 / QC-PTN XS

1. Tên mẫu thử / Name of sample: Nutricare Cerna Lô: 320120.CE9 NSX: 14.01.20 HSD: 14.01.22
2. Ký hiệu mẫu / Sample No.: 2020/0162-2/HS6
3. Tình trạng mẫu / Status of sample: 01 hộp
4. Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 18/02/2020
5. Nơi gửi mẫu / Customer: Công ty Cổ Phần Dinh dưỡng Nutricare
6. Thời gian thử nghiệm / Test duration: Từ ngày / From: 18/02/2020 đến ngày / To: 04/03/2020
7. Nơi thử nghiệm / Place of testing: Phòng TN Hóa Sinh- 37 Phạm Tuấn Tài, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu thử Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Protein*	g/100g	TCVN 8099-1:2015	18,87
2	Béo*	g/100g	TCVN 7084:2010	14,48
3	Carbohydrate	g/100g	Food energy method of analysis and conversion factor	56,0
4	Vitamin A	µg/100g	HD/HS1/077	472,8
5	Vitamin D3*	µg/100g	HD/HS1/041	9,50
6	Canxi*	mg/100g	TCVN 6838:2011	405,1
7	Kẽm*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	7,71
8	Magie	mg/100g	AOAC 985.35.2012	59,5
9	Sắt*	mg/100g	AOAC 999.11.2012	3,18

Ghi chú: (*) là các chỉ tiêu đã được công nhận VILAS (ISO/IEC 17025:2005)
KPH là không phát hiện.

Thử nghiệm viên
Analyst

Phòng Thử nghiệm Hóa sinh
Biochemical Testing Lab.

Hà nội, ngày 09 tháng 03 năm 2020

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Mây

Lê Thị Việt Hồng

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Dũng



TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

20-49779-2

03-Mar-2020

Applicant/ Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Address/ Địa chỉ:

Tòa nhà Nutricare, Số 1, Liên kè 2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

Report Issued: 03-Mar-2020

BVAQ Reference: 20-49779

Sample(s) Received: 19-Feb-2020

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Date of analysis/ Ngày thực hiện phân tích: 20-Feb-2020

Results - Kết quả

The tests were performed on the samples as received/ Chỉ tiêu đã được thực hiện trên mẫu khi nhận

Customer Sample Name/ Tên mẫu: NUTRICARE CERNA

Lab ID: 20-49779-2

NSX/HSD: 14.01.20/14.01.22

Product no.: 320120.CE9

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in full labelling packaging Mẫu đựng hộp nhôm với đầy đủ nhãn sản phẩm

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Reference Phương pháp tham khảo
Chì (Lead (Pb))	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=0.01)	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
Cadimi (Cadmium (Cd))	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=0.2)	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
Asen (Arsenic (As))	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=0.1)	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
Thủy ngân (Mercury (Hg))	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=0.02)	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
Thiếc (Tin (Sn))	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=1.0)	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030 (Ref. AOAC 2013.06)
Melamine *	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=3.0)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-017
Aflatoxin M1 *	Not Detected/ Không phát hiện (MDL=0.02)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-024

REMARK/ Ghi chú:

MDL/ GHPH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp

ML/ GHDL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp

(*) Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(*) ISO 17025 not accredited method/ Phương pháp không được công nhận ISO 17025

BUREAU VERITAS VIETNAM LTD



TRAN NGOC HOA
TESTING MANAGER



TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

20-49779-2

03-Mar-2020

Applicant/ Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Address/ Địa chỉ:

Tòa nhà Nutricare, Số 1, Liền kề 2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội

Report Issued: 03-Mar-2020

BVAQ Reference: 20-49779

Sample(s) Received: 19-Feb-2020

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Date of analysis/ Ngày thực hiện phân tích: 20-Feb-2020

Results - Kết quả

The tests were performed on the samples as received/ Chỉ tiêu đã được thực hiện trên mẫu khi nhận

Customer Sample Name/ Tên mẫu: NUTRICARE CERNA

Lab ID: 20-49779-2

NSX/HSD: 14.01.20/14.01.22

Product no.: 320120.CE9

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in full labelling packaging Mẫu đựng hộp nhôm với đầy đủ nhãn sản phẩm

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Reference Phương pháp tham khảo
Salmonella spp.	Not Detected/ Không phát hiện	/25 g	ISO 6579-1:2017
Enterobacteriaceae	<10	cfu/g	ISO 21528-2:2017
Staphylococcus aureus	<10	cfu/g	AOAC 975.55

REMARK/ Ghi chú:

MDL/ GHPH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp

MQL/ GHDL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp

(¹) Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(*) ISO 17025 not accredited method/ Phương pháp không được công nhận ISO 17025

BUREAU VERITAS VIETNAM LTD



TRAN NGOC HOA

TESTING MANAGER